

Xu thế đổi mới liên tục của Hành chính công & Xã hội hóa, Đối tác công tư

8:30-11:45 ngày 24/07/2022

Nội dung thảo luận Sáng 24/07/2022

❖ Nội dung:

- Khái niệm nền hành chính công vụ, Các xu thế đổi mới nền hành chính công vụ, Cải cách hành chính, Đối tác công tư trong xu thế xã hội hóa dịch vụ công.

❖ Bài đọc:

- Bovaird *Chương 17*
- OECD 2012, *Khía cạnh QTNN đối với các Dự án PPP*

❖ Vấn đề/Tình huống thảo luận:

- Tình huống: Nguyễn Xuân Thành (2020) *BOT Cai Lậy*

1. Hành chính công vụ trong một thế giới cạnh tranh

Khái quát 5 mô hình Hành chính công

Basically, the various types of government in the world can be grouped into four major models based on European traditions (Loughlin 1994) and a fifth based on a cadre system:

- a) Anglo-Saxon (minimal state) based on a social contract between State and citizen, the separation of politics and administration and a high degree of decentralisation is very different from the Vietnamese system
- b) Continental European: Germanic (organicist) based on a cooperative federalism model where the State and citizens is seen as an organic whole, where civil servants are personifications of the State and the State is a transcendent entity is somewhat closer to Vietnamese system
- c) Continental European: French (Napoleonic) where the State is unitary, indivisible and has a highly centralised authority is perhaps closest to the current Vietnamese system
- d) Scandinavian (mixture of Anglo-Saxon and Germanic), which combines the idea of the State and citizen as an organic whole with a participatory and local autonomy ethos.
- e) Cadre/Civil Servant system, based on a notion of 'democratic centralism' that has developed and is continuing to evolve from some of the former socialist nations, such as China and Vietnam.

Hành pháp chính trị và Hành chính công vụ

- ❖ Quyền lực hành pháp => Chính phủ => Nội các => Bộ
- ❖ Hành pháp chính trị có thể phân tách dần với nền Hành chính công vụ => dần dần xuất hiện những cơ quan quản lý công vụ độc lập
 - Cung cấp dịch vụ công, đơn vị sự nghiệp có thu độc lập, tự hạch toán, tự chịu trách nhiệm
 - Quản lý hành thu thuế, Quản lý vốn tại DNNN,
 - Các cơ quan điều tiết: Như Cơ quan quản lý cạnh tranh,
 - Các cơ quan định chuẩn y tế, giáo dục, định chuẩn, đo lường,
 - Các cơ quan truyền thông Nhà nước

Các quan niệm đang thay đổi

❖ Việc làm trong khu vực công:

- Trước 1998: không phân biệt, sử dụng khái niệm chung “cán bộ, CNV nhà nước”
- Nhân sự trong DNNN tách ra khỏi cán bộ, công chức,
- 2010 tiếp tục phân tách viên chức trong đơn vị sự nghiệp ra khỏi công chức
- Gia tăng CBCC địa phương (12.000 xã x 22-25 vị trí)

❖ Công chức chuyên ngành hành chính:

- Điều 3.1 Thông tư 02/2021/TT-BNV: Công chức chuyên ngành hành chính gồm 05 ngạch công chức: Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự và nhân viên.
- Những công chức này làm việc chuyên ngành hành chính trong các cơ quan, tổ chức của Đảng Công sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện.

Chính phủ thu gọn dần sau 1986

- ❖ Truyền thống hành chính của các triều đại phong kiến Việt Nam
- ❖ 3/1945: Thủ tướng, 9 Thượng thư, 2 Khâm sai đại thần
- ❖ 8/1945-1946: 1 Chủ tịch, 1 phó, 13 Bộ trưởng, 1-3 Quốc vụ khanh
- ❖ 1960: 27 bộ
- ❖ 1976: 48 bộ
- ❖ 1981: Hội đồng Bộ trưởng: 1 Chủ tịch HĐBT, 17 phó TTg, 44_bộ
- ❖ 2016: 1 Thủ tướng, 05 Phó Thủ tướng, 18 bộ (04 cơ quan ngang bộ), 7 (cơ quan trực thuộc Chính phủ), Các Ban chỉ đạo, các Hội đồng, các Ủy ban có tính chất phối hợp tổ chức liên ngành.
- ❖ 2021: 1 TTg, 4 Phó TTg, 18 Bộ.

So sánh với Đông Bắc Á & Đông Nam Á : Phân tán

FETP (2008) Lựa chọn thành công

<i>Quốc gia</i>	<i>Số lượng các tỉnh</i>	<i>Diện tích bình quân/tỉnh (km²)</i>	<i>Dân số bình quân một tỉnh</i>	<i>GDP bình quân một tỉnh (tỷ \$)</i>
<i>Đông Bắc Á</i>				
Trung Quốc	34	282,264	38.6	175.0
Hàn Quốc	9	10,010	5.5	112.8
Nhật Bản	47	8,041	2.7	116.8
<i>Đông Nam Á</i>				
Indonesia	405	4,739	0.6	5.5
Philippines	80	3,750	1.2	2.5
Thailand	75	6,842	0.9	4.3
Việt Nam	63	5,257	1.4	1.6

Quan sát: Thống kê lao động trong khu vực công

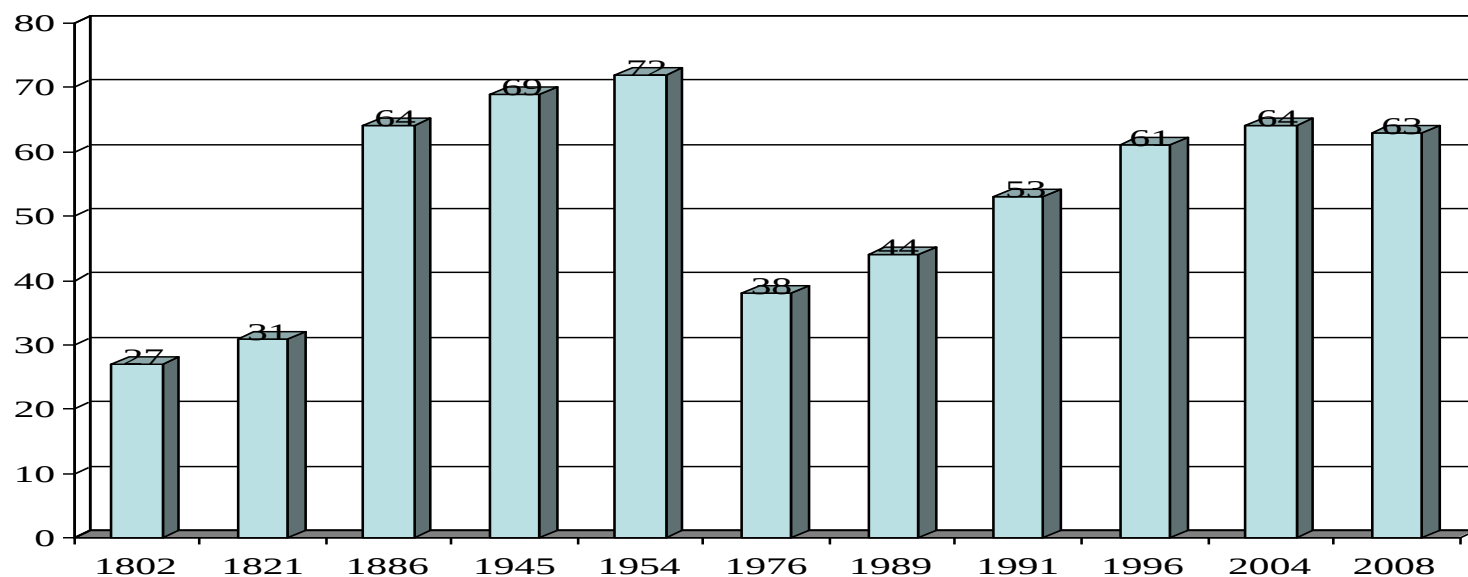
STT	Nội dung	Tổng số (Người)
1	Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2021	247.344
2	Biên chế đơn vị sự nghiệp năm 2021	1.783.174
3	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố	1.031.851
<i>Báo cáo số 135/BC-BNV ngày 11/01/2021 của Bộ Nội vụ tổng kết công tác giai đoạn 2016 - 2020 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2021 ngành Nội vụ</i>		



Xây dựng Nhà nước tập quyền

- Đinh-Tiền Lê: 10 Đạo,
- Lý: 24 Lộ
- Trần: 22 Lộ
- Hậu Lê: Đạo, Trấn => Lộ => Châu, huyện => Xã => Làng, hương thôn
- Gia Long 1802: 27 Trấn
- Minh Mạng 1821: 31 Tỉnh
- Bảo Đại: 69 Tỉnh
- VNCH: (1954: 22 tỉnh, 1975: 44 tỉnh)
- VN thống nhất: 1976: 38 tỉnh => nay: 63 tỉnh

Số lượng các tỉnh từ thời Gia Long cho đến nay



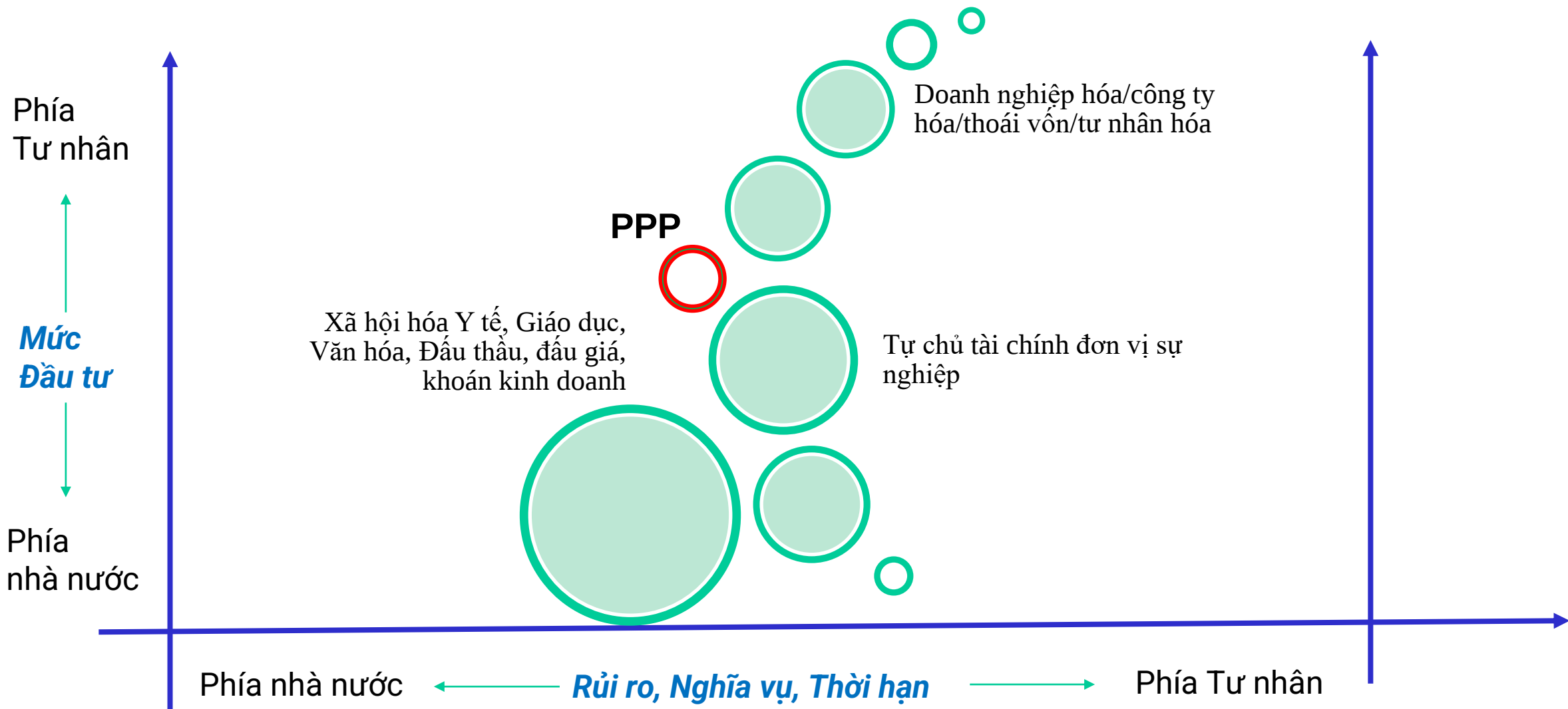
Các cấp chính quyền từ 1986 cho đến nay

- ❖ 1986: 40 tỉnh, 522 huyện, 9.901 xã
- ❖ 2005: 64 tỉnh, 671 huyện, 10.876 xã
- ❖ 2019: 63 tỉnh, 713 huyện, 11.160 xã
- ❖ 2019-2020: Thực hiện Tiêu chuẩn đơn vị hành chính theo Nghị quyết 1211/2016 (Ủy ban Thường vụ Quốc hội), giảm cấp huyện, xã, tổ dân phố.
- ❖ Lưu ý: Các hình thức tự quản được tài trợ từ Ngân sách
 - 135.019 thôn, tổ dân phố (78.554 thôn/56.465 tổ dân phố),
 - Trung bình mỗi thôn, tổ có khoảng 5 người hoạt động không chuyên trách, hưởng phụ cấp

2. Xu thế Xã hội hóa & PPP

Các khái niệm có liên quan

- ❖ Phân quyền, Phân cấp quản lý, Hành chính công mới
- ❖ Tự chủ tài chính (đơn vị sự nghiệp công lập)
- ❖ Doanh nghiệp hóa, Công ty hóa
- ❖ Thuê, khoán, đấu thầu, đấu giá kinh doanh
- ❖ Nhượng quyền, tô nhượng
- ❖ Xã hội hóa
- ❖ Cổ phần hóa
- ❖ Tư nhân hóa (?)
- ❖ Các cam kết bảo lãnh của Chính phủ cho doanh nghiệp (SOE, FDI, Vay)
- ❖ **Đối tác Công Tư (PPP)**



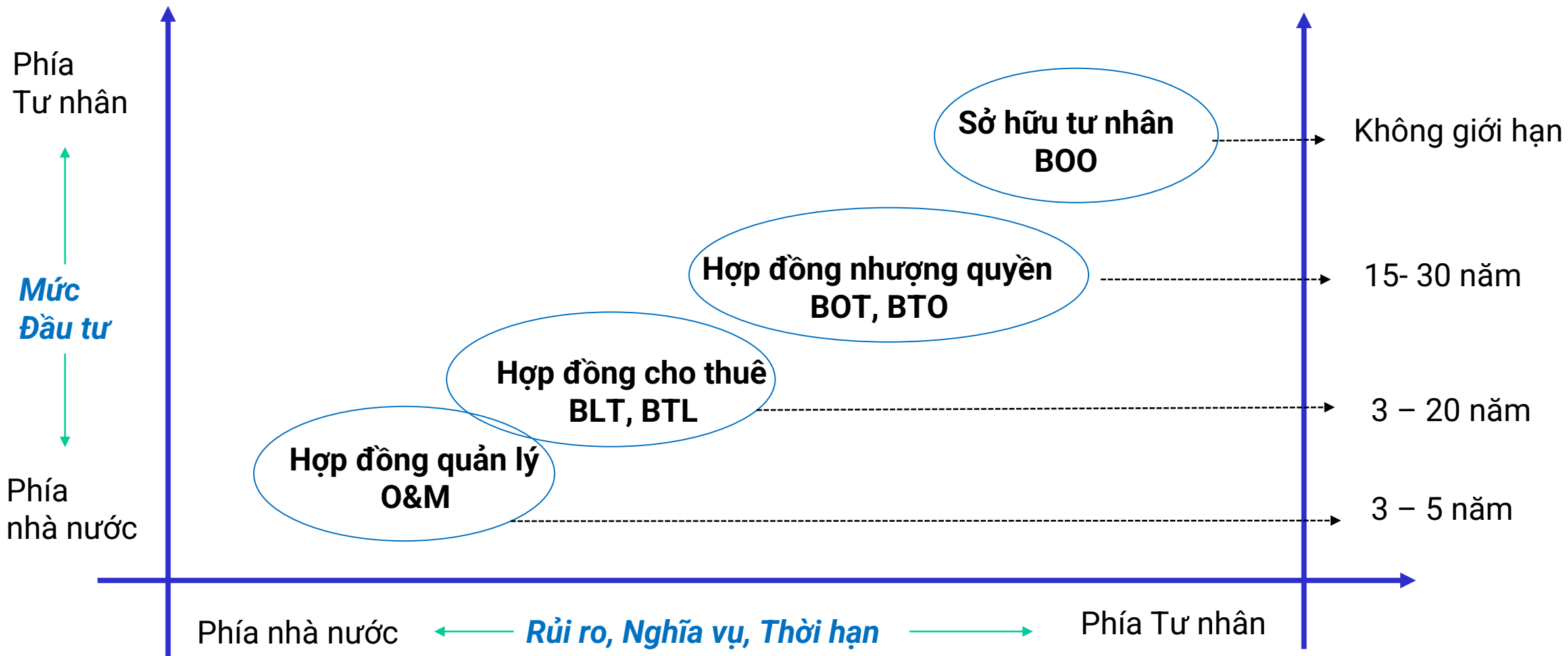
PPP là khái niệm hẹp hơn trong Trào lưu Xã hội hóa

❖ PPP chỉ áp dụng cho một số loại hợp đồng, lĩnh vực, quy mô nhất định

- Điều 3.10, 3.16 => Điều 45 Luật PPP:
 - Hợp đồng thu phí từ người sử dụng (BOT, BTO, BOO, O&M),
 - Hợp đồng Nhà nước thanh toán (BTL, BLT)
 - Hợp đồng hỗn hợp theo Điều 45.3
- Lĩnh vực đầu tư PPP: GTVT, Năng lượng, Cấp thoát nước, Y tế-GD, Hạ tầng CNTT
- Quy mô: 100 tỷ, 200 tỷ, GTVT 1500 tỷ, Năng lượng 500 tỷ/1500 tỷ (VND).

❖ Lĩnh vực Xã hội hóa khác hoạt động theo pháp luật riêng, ví dụ:

- Nghị định 60/2021/NĐ-CP về tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập
- Nghị định 59/2014/NĐ-CP về xã hội hóa y tế giáo dục
- Nghị định 32/2019 đấu thầu dịch vụ công-ích chi trả từ Ngân sách thường xuyên
- Luật Đấu thầu, Luật Đấu giá, Luật hợp đồng, Luật Dầu khí, Luật khoáng sản...



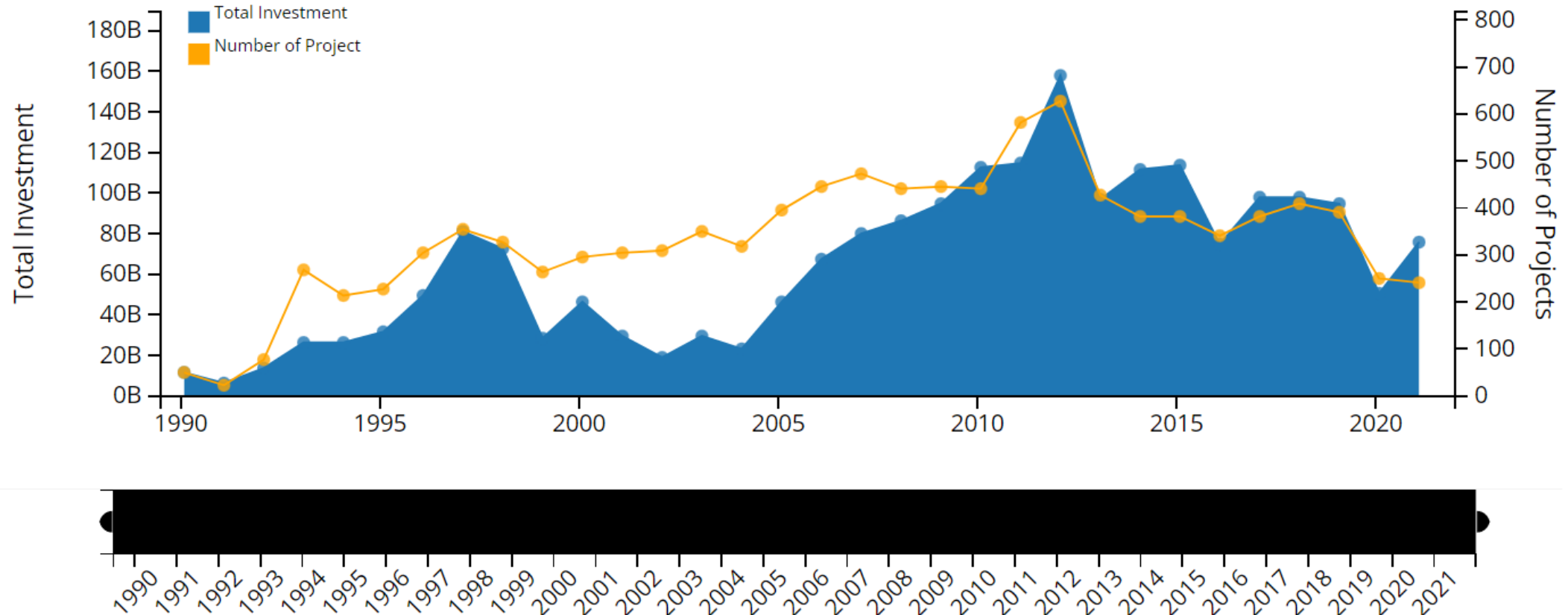
Các Dự án PPP ở Việt Nam: 1997 - 2020

TT	Lĩnh vực	Số lượng dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ VND)
1	Giao thông vận tải	220	672.345
2	Nhà tái định cư, ký túc xá	32	12.356
3	Trụ sở làm việc	20	39.793
4	Năng lượng	18	857.209
5	Cấp, Thoát nước, Môi trường	18	21.716
6	Y tế, Văn hóa, Thể thao	11	4.632
7	Giáo dục, Đào tạo, Chợ	17	1.284
	Tổng cộng	336	1.609.335

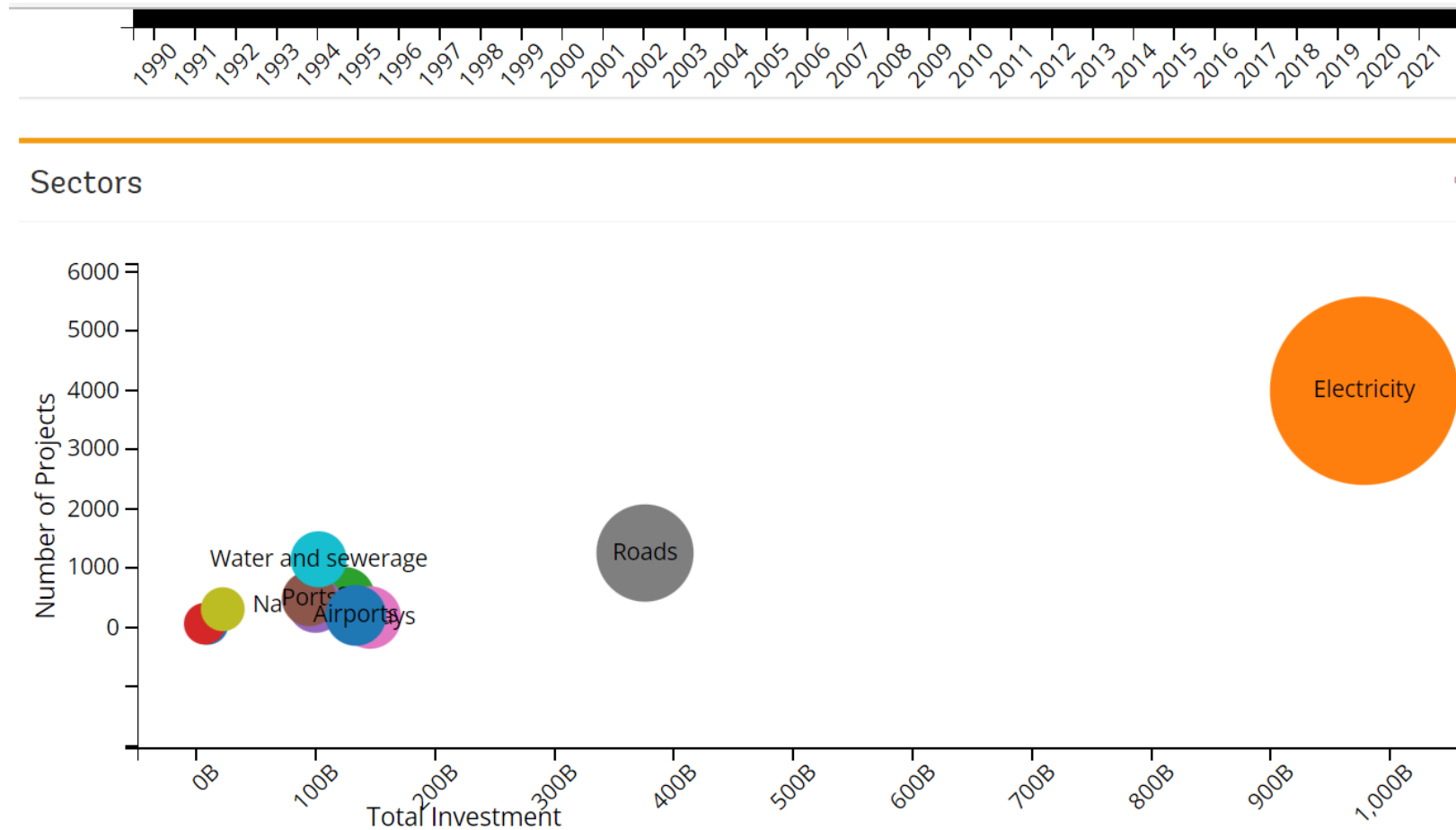
3. Bối cảnh quốc tế & Việt Nam về PPP

Cạnh tranh giữa các quốc gia thu nhập trung bình
Thu hút vốn đầu tư PPP trong lĩnh vực hạ tầng

Bối cảnh: Đầu tư PPP vào hạ tầng



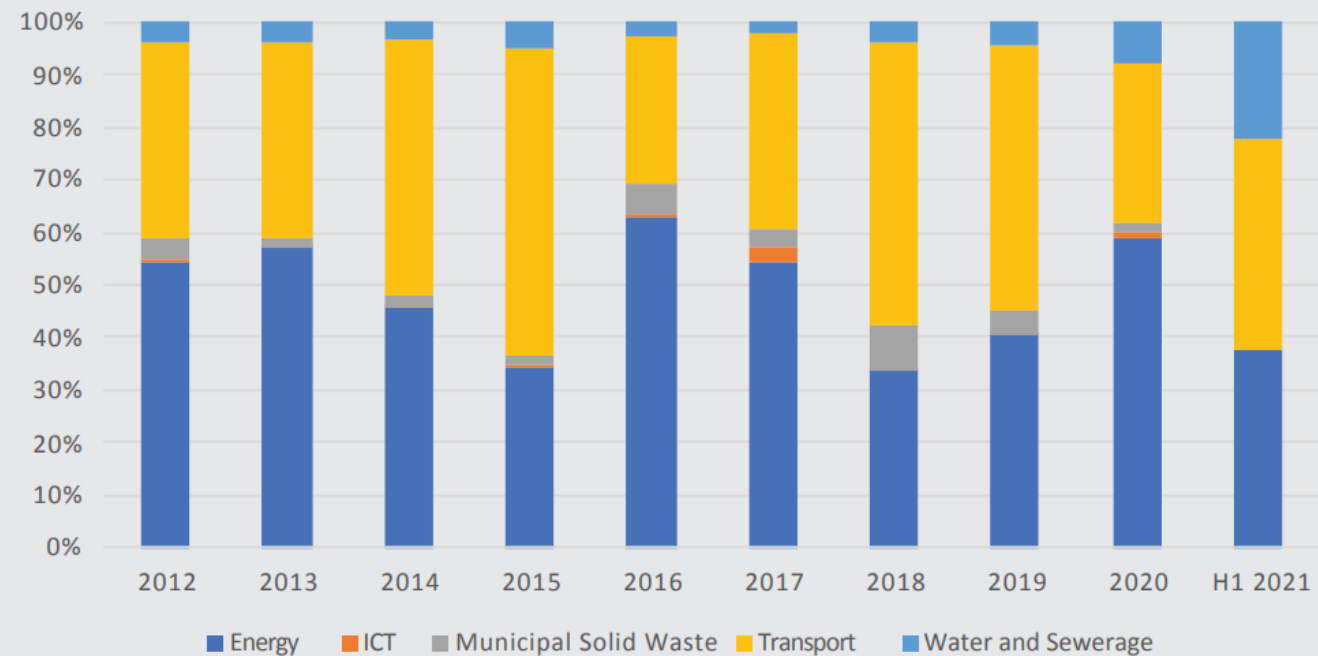
PPP: So sánh theo lĩnh vực



Lĩnh vực kêu gọi vốn đầu tư PPP phổ biến gần đây

FIGURE 6

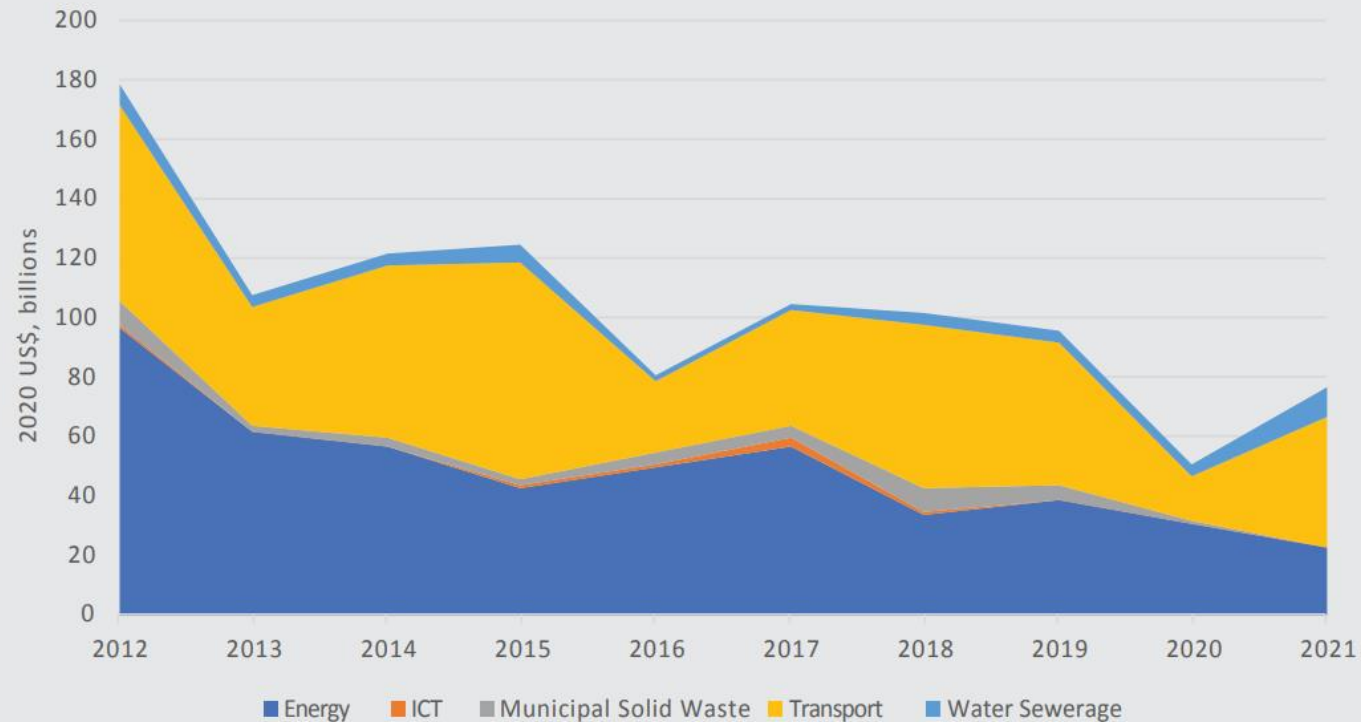
Share of Sectoral Investment Commitments in Infrastructure Projects with Private Participation in EMDEs, 2012–H1 2021



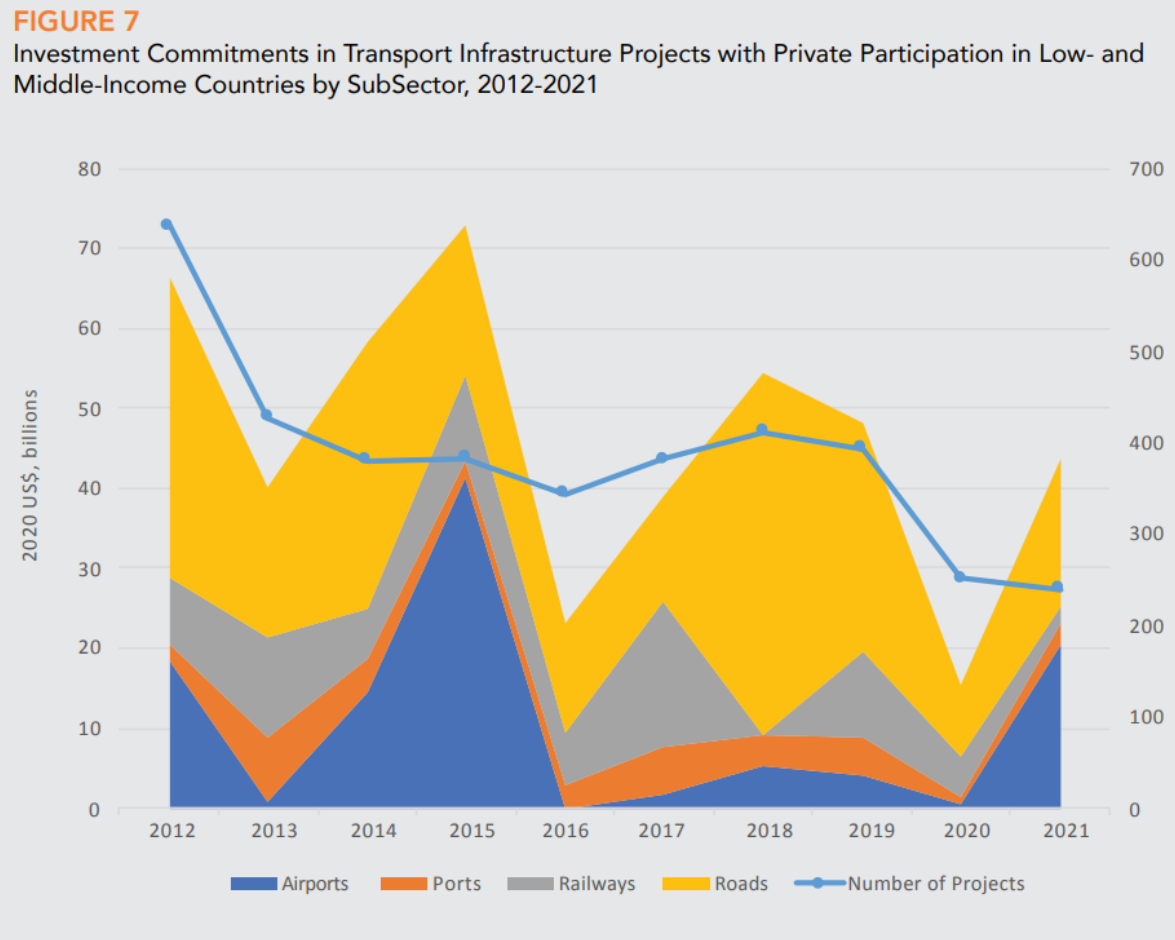
PPP theo lĩnh vực ở các nước có thu nhập trung bình & thấp

FIGURE 6

Investment Commitments in Infrastructure Projects with Private Participation in Low- and Middle-Income Countries by Sector, 2012-2021



PPP trong lĩnh vực giao thông: Các dự án kêu gọi vốn PPP



Cạnh tranh vốn PPP cho hạ tầng

FIGURE 4

Investment Commitments in Infrastructure Projects with Private Participation In Low and Mid-income Countries, by Region and Country, 2021.



Từ cấu trúc tài chính đến cơ sở chính sách, pháp luật

